

- Số: 00310/2023/KQTN PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 29/06/2023**
- 1 Địa điểm lấy mẫu :** CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ BIỂN
 - 2 Địa chỉ :** 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM
 - 3 Ngày lấy mẫu :** 22/06/2023
 - 4 Điều kiện lấy mẫu :** Trời nắng, gió nhẹ
 - 5 Loại mẫu :** Nước thải
 - 6 Ký hiệu và mô tả mẫu :** 2306.105NT: Nước thải sau xử lý – (X: 10°72'13"; Y=106°70'26")
 - 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu :**
 - TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 - TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
 - TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 - TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 /BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2306.105 NT		
1.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	371	500	HDCV.01
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,78	5 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	33	50	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	28	30	TCVN 6001-1:2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ⁽¹⁾	mg/L	2,95	5	TCVN 6179 – 1:1996
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N) ⁽¹⁾	mg/L	24,4	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P) ⁽¹⁾	mg/L	2,28	6	SMEWW 4500-P.D:2017
8.	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,03	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	1,1	10	SMEWW 5520B&F:2017
10.	Chất hoạt động bề mặt ⁽²⁾	mg/L	KPH MDL=0,03	6	SMEWW 5540B&C:2017
11.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,9 × 10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ VIMCERTS 117;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt. Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



NGUYỄN THỊ HUYỀN